

## **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

### **Dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Thực hiện quy định tại Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 76/STTTT-BCVT về việc thẩm định Dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Công văn số 82/STTTT-BCVT ngày 13/02/2019 về việc bổ sung hồ sơ thẩm định. Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo văn bản nêu trên với các nội dung như sau:

#### **1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và sự phù hợp của nội dung dự thảo với các văn bản có liên quan**

Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành Quy định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nhằm thay thế Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Tuy nhiên, để nội dung dự thảo được hoàn thiện, phù hợp hơn, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh lý các nội dung sau đây:

#### **a) Đối với dự thảo Quyết định**

Tại Điều 2 dự thảo Quyết định về hiệu lực của văn bản *cần lưu ý* xác định hiệu lực của văn bản phải đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*ghi cụ thể ngày tháng năm có hiệu lực nhưng không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành*).

#### **b) Đối với Dự thảo Quy định**

- Tại **Điều 1** cần xem lại nội dung viện dẫn theo Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT vì rất nhiều quy định của Thông tư này đã hết hiệu lực (xem điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP).

- Cần bỏ **Điều 3** (Giải thích từ ngữ) để bảo đảm phù hợp với quy định khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Vì các cụm từ “Đại lý Internet”, “Điểm truy cập Internet công

cộng”, “Điểm truy cập trò chơi dịch vụ điện tử công cộng” đã được giải thích cụ thể tại khoản 5, 6, 11 Điều 3 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (gọi tắt là Nghị định số 72/2013/NĐ-CP); cụm từ “Trò chơi điện tử có sự tương tác giữa nhiều người chơi với nhau đồng thời thông qua hệ thống máy chủ trò chơi của doanh nghiệp (gọi tắt là trò chơi GI)” đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và dùng cụm từ “Tại Nghị định này” là không chính xác. Đồng thời, nội dung tại khoản 3 Điều 3 đã được bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP “11. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng là địa điểm mà tổ chức, cá nhân được toàn quyền sử dụng hợp pháp để cung cấp cho người chơi khả năng truy nhập vào mạng và chơi trò chơi điện tử thông qua việc thiết lập hệ thống thiết bị tại địa điểm đó, bao gồm:

a) Điểm truy nhập Internet công cộng có cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử: Đại lý Internet; điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet; điểm truy nhập Internet công cộng tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và điểm công cộng khác có hợp đồng đại lý Internet ký với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet;

b) Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng thông qua mạng máy tính (LAN, WAN) mà không kết nối với Internet”.

Như vậy, việc giải thích như dự thảo cũng chưa đầy đủ.

- Tại **Điều 4**:

+ Dùng chữ cái tiếng Việt để ghi thứ tự của khoản trong Điều 4 là không đúng bố cục trình bày văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

+ Nội dung quy định tại điểm b Điều 4 là không phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ. Cụ thể: “*Tổng diện tích các phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tối thiểu 50 m<sup>2</sup> tại các khu vực đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, loại II, loại III; **tối thiểu 40 m<sup>2</sup> tại các đô thị loại IV, loại V**; tối thiểu 30 m<sup>2</sup> tại các khu vực khác*”;

+ Tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương “*Hướng dẫn **cụ thể về loại hình đô thị của từng khu vực trên địa bàn để áp dụng Điều kiện về diện tích phòng máy quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 35 Nghị định này***”. Như vậy, việc quy định như Điều 4 dự thảo là chưa cụ thể về loại hình đô thị từng khu vực trên địa bàn. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên

cứu quy định cụ thể từng loại hình đô thị của từng đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Chẳng hạn có thể viết theo hướng:

**“Điều 4. Quy định về tổng diện tích các phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo các khu vực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau**

1. Tối thiểu 50 m<sup>2</sup> tại khu vực đô thị loại III trở lên, bao gồm: các phường..... thuộc thị xã Gia Nghĩa.

2. Tối thiểu 40 m<sup>2</sup> tại khu vực đô thị loại IV, loại V, bao gồm: Thị trấn.... thuộc huyện....

3. Tối thiểu 30 m<sup>2</sup> tại các khu vực khác trong tỉnh.

4. Trường hợp các đơn vị hành chính được công nhận đô thị mới thì tùy loại đô thị mà diện tích tối thiểu được xác định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”.

- Tại **Điều 5**, cần xem xét lại quy định: *“Được phép hoạt động từ 8 giờ đến 22 giờ ngày”*. Vì: quy định như dự thảo chưa rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn; cần nghiên cứu, tham khảo thêm quy định tại Khoản 8 Điều 36 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP: *“Không được hoạt động từ 22 giờ đêm đến 8 giờ sáng hôm sau”* – áp dụng đối với *dịch vụ trò chơi điện tử công cộng* để quy định cho phù hợp hơn.

- Tại **Điều 7**: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại tiêu đề Điều: **“Trách nhiệm của các sở, ngành trong công tác quản lý nhà nước đối với đại lý Internet, điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng”** với nội quy định tại các khoản của Điều này cho phù hợp (Tiêu đề của Điều thiếu **UBND cấp huyện và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet**); đồng thời, cần xem lại các quy định sau:

+ Việc quy định trách nhiệm của UBND cấp huyện chưa cụ thể, có sự trùng lặp. Ví dụ: việc quy định *“niêm yết, công bố thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn theo phân cấp tại Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử; thủ tục sửa đổi, bổ sung lĩnh vực xuất bản, in và phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã”* – nội dung này đã được quy định tại Điều 2 Quyết định số 1395/QĐ-UBND; hơn nữa việc viện dẫn theo 01 văn bản hành chính cụ thể về công bố thủ tục hành chính là không phù hợp (thiếu tính ổn định vì thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi và sẽ được công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ,...).

+ Việc quy định chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin: Định kỳ hàng năm lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra tình hình hoạt động của các đại lý Internet, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và điểm truy nhập Internet công cộng trên địa bàn quản lý là không đúng chức năng nhiệm vụ. Cần quy định theo

hướng Phòng Văn hóa – Thông tin: Định kỳ hàng năm tham mưu UBND cấp huyện ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra...

+ Việc quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của **Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối internet** tại khoản 5: Cần đối chiếu kỹ các quy định pháp luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của loại hình doanh nghiệp này để quy định cho phù hợp (nếu pháp luật hiện hành đã quy định thì chỉ nên viện dẫn, không quy định lại; nếu pháp luật chưa quy định nhưng do yêu cầu thực tiễn cần có quy định này thì phải cân nhắc thận trọng tránh trường hợp đặt ra yêu cầu, điều kiện trái luật làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp). Tóm lại, nội dung này cơ quan soạn thảo cần giải trình cụ thể về cơ sở pháp lý, thực tiễn,... để UBND tỉnh xem xét, quyết định.

## **2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản**

Cơ quan soạn thảo cần rà soát chỉnh sửa lỗi chính tả; trình bày văn bản theo đúng thể thức, kỹ thuật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, dự thảo Quyết định và dự thảo Quy định trình bày theo mẫu số 19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

### **a) Đối với dự thảo Quyết định**

- Trình bày phần địa danh, ngày tháng năm ban hành văn bản phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 59 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: *“Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản được trình bày trên cùng một dòng với số, ký hiệu văn bản, bằng chữ in thường, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ nghiêng; các chữ cái đầu của địa danh phải viết hoa; sau địa danh có dấu phẩy (,); địa danh và ngày, tháng, năm được đặt dưới ở giữa, cân đối so với Quốc hiệu và Tiêu ngữ”*.

- Bổ sung **dấu chấm (.)** cuối dòng căn cứ cuối cùng, cụ thể: *“Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số .../TTr-STTTT ngày ...tháng ...năm 2019.”*.

- Tại “Nơi nhận” cần bổ sung gửi “Sở Tư pháp”, “Chi cục VT-LT tỉnh”, “Báo Đắk Nông” để văn bản được kiểm tra, cập nhật, lưu trữ, công khai theo quy định; mục “Lưu” cần bổ sung số lượng bản lưu và số lượng bản phát hành.

### **b) Đối với dự thảo Quy định**

- Cần bổ sung Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan ban hành theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Tại Điều 4: Điều chỉnh các điểm a, b, c thành các khoản 1, 2, 3 cho phù hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP *“Chương, điều, khoản, điểm”*.

- Tại khoản 1 Điều 6: Viết gọn cụm từ *“Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng”* thành **“Nghị định số 27/2018/NĐ-CP”**

cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, vì cụm từ này đã được giải thích viết tắt **tại Điều 1**.

- Không tùy tiện in nghiêng, in đậm nội dung các khoản tại Điều 3, Điều 7.
- Rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo, **điều chỉnh** các lỗi sử dụng dấu chấm (.), dấu phẩy (,), dấu chấm phẩy (;) và viết hoa chưa phù hợp.
- Cần trình bày các Phụ lục kèm theo đúng quy định.
- Đánh số trang văn bản theo đúng quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: *“Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt cạnh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản...”* – lưu ý: không đánh số trang chung với dự thảo Quyết định, Phụ lục.

### **3. Kết luận chung**

Dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành là đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu kỹ các nội dung tại Báo cáo thẩm định này để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 131 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là nội dung báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông (t/h);
- GD, PGD Sở (Đ/c Hiệu);
- VP Sở (đưa lên Website của Sở);
- Lưu: VT, VBPL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trung Hiếu**